

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
YENBAI JOINT-STOCK FORES-AGRICUL TURAL AND FOODSTUFFS COMPANY
Address: 279 Nguyen Phuc – Nguyen Phuc Ward – Yen Bai City – Yen Bai Province
Email: Yfatuf@gmail.com
Website: www.yfatuf.com.vn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

GIỮA NIÊN ĐỘ 2023-2024

Kính gửi:.....

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 18.C./KT
V/v công bố thông tin

Yên Bái, ngày 19 tháng 04 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
- Mã chứng khoán: CAP
- Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
- Điện thoại: 02163.862.278 - Fax: 02163.862.804
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thanh Sơn
- Điện thoại: 0944278586
- Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ
- Nội dung công bố thông tin:
 - Báo cáo tài chính tổng hợp quý II niên độ 2023-2024 (kỳ kế toán từ 01/01/2024 đến 31/03/2024):
 - Bảng cân đối kế toán;
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
 - Bản thuyết minh báo cáo tài chính;
 - Nội dung giải trình:
 - Công văn số 18.C./KT ngày 19/04/2024 về việc giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước của báo cáo tài chính tổng hợp.
- Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính tại www.yfatuf.com.vn
Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu VP

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT


Nguyễn Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~18.2~~/CBTT

Yên Bái, ngày 19 tháng 04 năm 2024

V/v công bố thông tin BCTC

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Lâm nông sản thực phẩm Yên Bái thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý II niên độ 2023-2024 (Kỳ kế toán từ 01/01/2024 đến 31/03/2024) với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CP LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

- Mã chứng khoán: CAP
- Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, Phường Nguyễn Phúc, TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02163.862278 Fax:
- Email: yfatuf@gmail.com Website: www.yfatuf.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC quý II niên độ 2023-2024 (kỳ kế toán từ 01/01/2024 đến 31/03/2024)

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 19/04/2024 tại đường dẫn: Website: <http://www.yfatuf.com.vn/bao-cao-tai-chinh-tong-hop-quy-2-nien-do-2023-2024/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2024.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau: Không có

- Nội dung giao dịch:

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);

- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo tài chính tổng hợp quý II niên độ 2023-2024;

- Công văn giải trình số... 180./KT. ngày 19/4/24/v chênh lệch lợi nhuận sau thuế;

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu VP



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 18/KT

Yên Bái, ngày 19 tháng 4 năm 2024

V/v giải trình chênh lệch 10% lợi
nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm
trước tại BCTC tổng hợp

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Thực hiện theo khoản 4, điều 14, chương III, thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020. Công ty cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái xin giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế của kỳ này so với cùng kỳ năm trước như sau:

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty quý II niên độ 2023-2024 (từ ngày 01/01/2024 đến 31/3/2024) có kết quả như sau:

- | | |
|--|---------------------|
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán :
này của quý II niên độ 2023-2024 | 9.229.532.710 đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán :
này của quý II niên độ 2022-2023 | 35.333.865.214 đồng |
| - Chênh lệch giảm | 74% |

Nguyên nhân:

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm so với cùng kỳ năm trước là 45%;
- Giá vốn hàng bán giảm so với cùng kỳ năm trước là 37%;
- Chi phí quản lý giảm so với cùng kỳ năm trước là 7%;

Từ những nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính tổng hợp quý II năm nay giảm so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP.



GIÁM ĐỐC

Lê Long Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/03/2024)	Số đầu năm (01/10/2023)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		358.521.256.144	256.041.298.361
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	23.505.403.885	80.955.321.149
1. Tiền	111		13.505.403.885	34.955.321.149
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	46.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	117.400.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	117.400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.046.704.508	25.814.196.534
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	49.108.924.111	21.411.942.018
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.807.910.503	335.384.773
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.135.527.444	4.072.527.293
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(5.657.550)	(5.657.550)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho	140		279.590.645.731	31.494.321.598
1. Hàng tồn kho	141	V.6	279.590.645.731	31.494.321.598
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.378.502.020	377.459.080
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	459.624.361	74.505.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.918.877.659	302.954.080
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.987.315.590	36.132.528.194
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/03/2024)	Số đầu năm (01/10/2023)
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		27.879.860.227	32.534.072.506
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	27.879.860.227	32.534.072.506
- Nguyên giá	222		186.062.817.792	183.946.225.604
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(158.182.957.565)	(151.412.153.098)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	0	0
- Nguyên giá	228		171.000.000	171.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(171.000.000)	(171.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.023.725.877	3.526.152.120
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	4.023.725.877	3.526.152.120
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.13	1.083.729.486	72.303.568
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	1.083.729.486	72.303.568
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/03/2024)	Số đầu năm (01/10/2023)
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		391.508.571.734	292.173.826.555
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		159.499.678.370	27.162.360.422
I. Nợ ngắn hạn	310		159.472.828.370	27.135.510.422
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a	16.560.578.428	6.269.014.565
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	76.456.720	88.556.100
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	2.034.234.860	6.113.232.826
4. Phải trả người lao động	314		11.904.327.359	4.381.418.307
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.853.491.395	1.328.589.826
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	51.846.174.657	264.322.952
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		61.723.709.694	0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		7.281.633.943	5.402.750.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	6.192.221.314	3.287.625.846
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn	330		26.850.000	26.850.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.11b	1.850.000	1.850.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	25.000.000	25.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0

// 1/1/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/03/2024)	Số đầu năm (01/10/2023)
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		232.008.893.364	265.011.466.133
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	232.008.893.364	265.011.466.133
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.792.840.000	100.529.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.792.840.000	100.529.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		323.060.671	323.060.671
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		41.002.773.233	41.002.773.233
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		39.890.219.460	123.156.432.229
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		16.907.746.761	8.747.522.864
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.982.472.699	114.408.909.365
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		391.508.571.734	292.173.826.555

Người lập biểu

Dương Ngọc Lâm

Kế toán trưởng

Lương Quốc Quyền

Ban ngày 19 tháng 04 năm 2024

Giám đốc

Lê Long Giang



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Ban thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý II niên độ 2023-2024 (từ 01/01-31/03/2024)

Đơn vị tính: VND

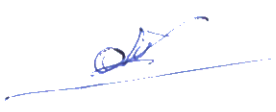
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ II NIÊN ĐỘ 2023-2024		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm nay (01/01/2024- 31/03/2024)	Năm trước (01/01/2023- 31/03/2023)	Năm nay (01/10/2023- 31/03/2024)	Năm trước (01/10/2022- 31/03/2023)
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	102.101.448.614	185.560.244.006	288.581.777.066	343.673.480.932
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	526.214.700	0	526.214.700
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.1	102.101.448.614	185.034.029.306	288.581.777.066	343.147.266.232
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	80.837.973.563	127.568.460.582	237.243.018.777	247.096.176.349
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		21.263.475.051	57.465.568.724	51.338.758.289	96.051.089.883
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.931.763.763	1.176.882.856	3.612.155.374	2.433.968.265
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	280.216.376	209.542.898	326.688.862	512.520.669
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		280.195.781	98.627.408	280.195.781	98.627.408
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.644.598.873	11.141.512.778	12.731.481.572	19.348.364.200
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	6.606.385.294	7.119.556.148	14.075.409.199	14.188.045.340
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.664.038.271	40.171.839.756	27.817.334.030	64.436.127.939
11. Thu nhập khác	31	VI.7	0	0	0	0
12. Chi phí khác	32	VI.8	500.000.000	4.158.626	504.000.000	50.158.626
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(500.000.000)	(4.158.626)	(504.000.000)	(50.158.626)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		11.164.038.271	40.167.681.130	27.313.334.030	64.385.969.313
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	1.934.505.561	4.833.815.916	4.330.861.331	8.878.878.504
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		9.229.532.710	35.333.865.214	22.982.472.699	55.507.090.809
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	581	2.226	1.448	3.497

Người lập biểu



Dương Ngọc Lâm

Kế toán trưởng



Lương Quốc Quyền

Lập, ngày 19 tháng 04 năm 2024



Giám đốc



Lê Long Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

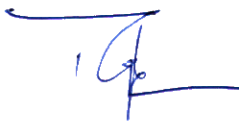
Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp) (*)***Quý II niên độ 2023-2024 (từ 01/01-31/03/2024)**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (01/10/2023- 31/03/2024)	Năm trước (01/10/2022- 31/03/2023)
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27.313.334.030	64.385.969.313
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		6.770.804.467	6.371.610.546
- Các khoản dự phòng	03		1.878.883.943	5.510.689.621
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(256.762.174)	76.495.351
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.732.815.770)	(1.962.881.989)
- Chi phí lãi vay	06		280.195.781	98.627.408
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		34.253.640.277	74.480.510.250
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(28.637.987.267)	(11.805.623.227)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(248.096.324.133)	(112.776.820.084)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		15.689.632.143	19.128.264.589
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.396.545.279)	973.638.907
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(97.479.265)	(98.627.408)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.637.681.147)	(9.822.007.993)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.815.850.000)	(2.609.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(235.738.594.671)	(42.529.864.966)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.614.165.945)	(4.784.006.317)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (01/10/2023- 31/03/2024)	Năm trước (01/10/2022- 31/03/2023)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		117.400.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.732.815.770	2.278.246.921
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		116.518.649.825	(2.505.759.396)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		61.723.709.694	21.317.586.617
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		0	(21.317.586.617)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		61.723.709.694	0
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(57.496.235.152)	(45.035.624.362)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		80.955.321.149	153.562.737.459
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		46.317.888	(11.237.434)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		23.505.403.885	108.515.875.663

Người lập biểu



Dương Ngọc Lâm

Kế toán trưởng



Lương Quốc Quyền

Lập, ngày 19 tháng 04 năm 2024



Giám đốc

Lê Long Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ
- Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
 - Chế biến, gia công, kinh doanh lâm sản;
 - Chế biến, gia công, kinh doanh nông sản thực phẩm;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa tổng hợp;
 - Sản xuất, chế biến tinh dầu quế và các sản phẩm từ quế
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Cấu trúc doanh nghiệp:**

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy giấy Yên Bình	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Văn Chấn	Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Minh Quân	Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc	Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Nhà máy sản Văn Yên	Xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn	Xã Sơn Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Yên Hợp	Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm sau.

Theo nghị quyết Đại hội Đồng Cổ Đông năm 2018 riêng năm tài chính đầu 2019 của việc chuyển đổi được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Đối với máy móc thiết bị của Dự án sản Văn Yên số 2 áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, công suất thiết kế của dự án là 110.000 tấn sản phẩm (100 tấn sản phẩm/ngày, sản xuất 100 ngày/năm và thực hiện trong vòng 11 năm).

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh đến 12 tháng và trên 12 tháng.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ có tính chất kế hoạch và xảy ra thường xuyên.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/03/2024: NH Bidv: 24.660 VND/USD; NH Techcombank: 24.660 VND/USD; NH Vietinbank: 24.603 VND/USD; NH Vietcombank: 24.630 VND/USD

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Đối với thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất, chế biến nông sản tại các Nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm từ sản tại địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (thuộc địa bàn kinh tế- xã hội khó khăn) thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế với suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động (Áp dụng kể từ 01/01/2015).

Các dự án còn lại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phát sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		Cuối kỳ (31/03)	Đầu năm (01/10)		
Tiền mặt		772.293.528	1.031.358.848		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		12.733.110.357	33.923.962.301		
Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	46.000.000.000		
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 03 tháng trở xuống</i>					
Cộng		23.505.403.885	80.955.321.149		
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn		Cuối kỳ		Đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn khác		0	0	0	117.400.000.000
Cộng		0	0	0	117.400.000.000
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		Cuối kỳ (31/03)	Đầu năm (01/10)		
JIN CAI SHEN TECHNOLOGY CO., LTD		15.236.684.804	3.658.565.980		
Công ty TNHH Giấy xuất khẩu Thái Bình		14.386.451.037	6.712.901.037		
Công ty TNHH MTV TM và gia công Trung tín		3.257.819.820	442.757.124		
Công ty TNHH Thương mại Giang Biên		3.362.234.693	1.632.304.704		
Công ty TNHH Việt Phát		1.767.254.696	1.342.137.600		
HTX tiêu thụ công nghiệp dịch vụ tổng hợp Dũng Thành Phát		2.737.902.420	2.395.414.008		
HTX tiêu thụ công nghiệp dịch vụ tổng hợp Đức Thành Phát		1.160.946.986	1.290.848.574		
Công ty TNHH Sao Kim Yên Bái		1.673.539.089	957.298.525		
Các khách hàng khác		5.526.090.566	2.979.714.466		
Cộng		49.108.924.111	21.411.942.018		
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		Cuối kỳ (31/03)	Đầu năm (01/10)		
Công ty cổ phần Chứng nhận và Giám định Quốc tế ISOCERT		42.630.000	42.630.000		
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)		30.000.000	0		
Công ty cổ phần tư vấn quy hoạch và PT công nghệ Á Châu		75.000.000	75.000.000		
Công ty TNHH môi trường DH Việt Nam		108.365.000	0		
Công ty TNHH MTV Trảng An 168		1.261.440.000	0		
Chi nhánh công ty cổ phần EJC tại Yên Bái		0	75.000.000		
Các nhà cung cấp khác		290.475.503	142.754.773		
Cộng		1.807.910.503	335.384.773		
5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		Cuối kỳ (31/03)		Đầu năm (01/10)	
		Giá trị	Dự	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng		2.072.000.000		364.000.000	
Lãi tiền gửi dự thu		-		3.705.962.192	
Thuế TNCN phải thu		2.111.573			
Các khoản phải thu ngắn hạn khác		61.415.871		2.565.101	
Cộng		2.135.527.444		4.072.527.293	

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Nợ phải	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(5.657.550)		-
Trích lập dự phòng bổ sung			-
Giảm do thu hồi được nợ	-		-
Số cuối kỳ		-	(5.657.550)

7. Hàng tồn kho	Cuối kỳ (31/03)		Đầu năm (01/10)	
	Giá gốc	Dự	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu:	8.594.917.850		8.609.600.696	
Chi phí sản xuất KD dở dang:	2.697.290.147		2.399.315.891	
Thành phẩm:	268.298.437.734	-	20.485.405.011	
Hàng gửi đi bán:	0		0	
Cộng	279.590.645.731	-	31.494.321.598	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền chi phí cắt cùi nhà máy sản Văn Yên	0	74.505.000
Tiền làm ray công trục - NMGYên Bình+MQ+VC	96.000.000	0
Tiền BHLĐ	38.058.817	0
Tiền sửa chữa bể dầm 6 - NM Giấy Yên Bình	46.010.054	0
NC VKT NM Minh Quân	158.879.750	0
Công cụ dụng cụ	120.675.740	0
Cộng	459.624.361	74.505.000

9. Chi phí trả trước dài hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
- Chi phí máy photo copy và bảo hiểm xe	19.349.999	42.569.999
- Phí khai thác nước mặt, sửa chữa đường dây điện 35 Kw tại Yên Hợp	0	12.006.304
- Phí khai thác nước mặt và sửa chữa hệ thống nước thải tại Minh Quân	0	7.878.768
- Bổ sung PA cải tạo HT XLNT Yên Bình	485.097.078	0
- Lập hồ sơ cấp giấy phép xả thải Yên Bình, Văn Chấn, Minh C	579.282.409	9.848.497
Cộng	1.083.729.486	72.303.568

10. Phải thu dài hạn khác	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự	Giá trị	Dự phòng
Thuế của nhà thầu nước ngoài	0	0	0	0
Cộng	0	0	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	77.330.615.752	98.936.341.467	6.981.348.349	88.450.000	609.470.036	183.946.225.604
Tăng trong kỳ	2.116.592.188	-	-	-	-	2.116.592.188
-Do mua sắm mới	1.830.472.000	-	-	-	-	1.830.472.000
-Do phân loại TSCĐ	-	-	-	-	-	-
-Do XDCB hoàn thành	286.120.188	-	-	-	-	286.120.188
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	79.447.207.940	98.936.341.467	6.981.348.349	88.450.000	609.470.036	186.062.817.792
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn SD	54.676.030.533	53.468.779.093	4.268.784.713	88.450.000	609.470.036	113.111.514.375
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	63.594.990.170	82.253.748.104	4.865.494.788	88.450.000	609.470.036	151.412.153.098
- Tăng do trích khấu hao trong kỳ	2.493.529.113	3.985.328.577	291.946.777	-	-	6.770.804.467
- Tăng do điều chỉnh phân loại	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	66.088.519.283	86.239.076.681	5.157.441.565	88.450.000	609.470.036	158.182.957.565
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	13.735.625.582	16.682.593.363	2.115.853.561	-	-	32.534.072.506
Số cuối kỳ	13.358.688.657	12.697.264.786	1.823.906.784	-	-	27.879.860.227

12. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

- Là phần mềm kế toán cũ năm 2006 đã được thanh lý và thay thế phần mềm kế toán FAST 11 đưa vào sử dụng từ 01/01/2018

	Nguyên giá	Giá trị KH kỳ	Giá trị đã KH	Giá trị còn lại
Phần mềm Kế toán	171.000.000	0	171.000.000	0

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	3.526.152.120	0	0	0	3.526.152.120
- Giải phóng mặt bằng mở rộng nhà máy sản Văn Yên số 2	3.033.652.120	0	0	0	3.033.652.120
- Giải phóng mặt bằng, sửa chữa mở rộng nhà máy giấy Minh Quân	312.500.000	0	0	0	312.500.000
- Giải phóng mặt bằng, sửa chữa mở rộng nhà máy giấy Văn Chấn	180.000.000	0	0	0	180.000.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	0	2.178.767.680	286.120.188	1.395.073.735	497.573.757
- Nhà máy giấy Yên Bình		1.011.360.300		743.718.834	267.641.466
- Nhà máy giấy Văn Chấn		292.055.857	152.912.400	119.143.457	20.000.000
- Nhà máy giấy Minh Quân		427.870.112	133.207.788	240.779.324	53.883.000
- Sửa chữa lớn TSCĐ -NM sản văn Yên		295.738.500		264.222.500	31.516.000
- Nhà máy giấy Yên Hợp		151.742.911		27.209.620	124.533.291
Cộng	3.526.152.120	2.178.767.680	286.120.188	1.395.073.735	4.023.725.877

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH An Hoa	1.004.832.000	947.376.000
Công ty cổ phần Đông á	2.338.086.257	87.495.651
Công ty TNHH TM Phúc Hưng	475.940.340	118.151.351
Công ty TNHH Đại Lục	197.181.514	1.283.981.514
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Thái Bình An	2.810.692.500	0
Nguyễn Thị Kim Quanh	735.153.725	0
Công ty CP Tân Hưng	317.592.576	0
Công ty TNHH Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Hồng Quân	2.475.170.120	1.171.649.920
Các nhà cung cấp khác	6.205.929.396	2.660.360.129
Cộng	16.560.578.428	6.269.014.565

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
CÔNG TY CHING TAI HSIN CO., LTD.	31.563.930	0
Công ty TNHH MTV Bông Hoa	12.980.000	12.980.000
Các khách hàng khác	31.912.790	75.576.100
Cộng	76.456.720	88.556.100

16. Thuế và các khoản phải nộp

	Đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.702.111.999		2.439.786.023	7.806.041.365	0	1.664.143.343
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0		112.093.203	112.093.203	0	
Thuế nhập khẩu	0		1.663.932	1.663.932	0	
Thuế TNDN	2.241.325.377		4.330.861.331	4.637.681.147	1.934.505.561	
Thuế TNCN	0	302.954.080	534.615.668	486.395.904		254.734.316
Thuế tài nguyên	12.131.010		160.593.390	151.178.940	21.545.460	
Thuê nhà đất, tiền thuê đất	157.664.440		9.852.254	89.332.855	78.183.839	
Các loại thuế khác	0		11.000.000	11.000.000	0	
Cộng	6.113.232.826	302.954.080	7.600.465.801	13.295.387.346	2.034.234.860	1.918.877.659

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phí bảo vệ môi trường rừng, thuê tài nguyên	15.585.000	10.525.000
Chi phí tiền điện (các NM)	576.250.323	639.893.125
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải CN	253.028.949	568.171.701
Chi phí Ủ phân NM sản Văn Yên	161.897.510	0
Chi phí duy trì hồ Biogas NM sản Văn Yên	367.635.486	0
Chi phí quản lý NM sản Văn Yên	479.094.127	0
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	0	110.000.000
Cộng	1.853.491.395	1.328.589.826

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	48.433.284	31.902.854
Bảo hiểm xã hội	681.923.825	0
Cổ tức phải trả	50.264.600.000	0
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	194.580.000	0
Công ty TNHH Thương mại Hải Ngọc	194.580.000	
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	656.637.548	232.420.098
Cộng	51.846.174.657	264.322.952

19. Vay, nợ thuê TC ngắn hạn

	Đầu năm		Cuối kỳ	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn NH Bidv Ybái	0	0	30.798.123.700	30.798.123.700
Vay ngắn hạn NH Vietin Bank YBái	0	0	30.925.585.994	30.925.585.994
Cộng	0	0	61.723.709.694	61.723.709.694

Chi tiết phát sinh các khoản vay trong kỳ như sau:

	Đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn NH Bidv Ybái	0	30.798.123.700	0	30.798.123.700
Vay ngắn hạn NH Vietin Bank YBái	0	30.925.585.994	0	30.925.585.994
Cộng	0	61.723.709.694	0	61.723.709.694

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trích trước chi phí SCL, VKT các Nhà máy	2.700.135.761	0
Tiền lương bổ sung	4.581.498.182	5.402.750.000
Cộng	7.281.633.943	5.402.750.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**21. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.256.617.713	5.720.445.468	2.682.350.000	4.294.713.181
Quỹ phúc lợi	2.031.008.133	0	133.500.000	1.897.508.133
	3.287.625.846	5.720.445.468	2.815.850.000	6.192.221.314

22. Phải trả người bán dài hạn

Công ty TNHH thiết bị công nghiệp HTC Vĩnh Phúc

Cộng

Cuối kỳ	Đầu năm
1.850.000	1.850.000
1.850.000	1.850.000

23. Phải trả dài hạn khác

Ông Hà Xuân Quảng

Công ty TNHH DV vận tải Đỗ Cường

Cộng

Cuối kỳ	Đầu năm
5.000.000	5.000.000
20.000.000	20.000.000
25.000.000	25.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

24 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

a, Bảng đối chiếu biến động của chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu				Cộng
	Thặng dư vốn CP	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		
Số dư đầu năm trước	323.060.671	9.187.651.245	106.143.858.916	194.194.250.832	
Lợi nhuận trong kỳ			114.408.909.365	114.408.909.365	
Trích lập các quỹ trong kỳ		31.815.121.988	(39.238.650.452)	(7.423.528.464)	
Tăng vốn ĐL từ lợi nhuận	21.989.520.000		(21.989.520.000)	0	
Chi cô tức trong năm			(32.986.665.600)	(32.986.665.600)	
Thường Ban lãnh đạo			(3.181.500.000)	(3.181.500.000)	
Số dư cuối năm trước	323.060.671	41.002.773.233	123.156.432.229	265.011.466.133	
Số dư đầu năm nay	323.060.671	41.002.773.233	123.156.432.229	265.011.466.133	
Lợi nhuận trong kỳ			22.982.472.699	22.982.472.699	
Trích lập các quỹ trong kỳ			(5.720.445.468)	(5.720.445.468)	
Tăng vốn ĐL từ lợi nhuận	50.263.640.000		(50.263.640.000)	-	
Chia cô tức, lợi nhuận			(50.264.600.000)	(50.264.600.000)	
Thường Ban lãnh đạo					
Số dư cuối năm nay	323.060.671	41.002.773.233	39.890.219.460	232.008.893.364	

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	150.792.840.000	100.529.200.000
Thặng dư vốn cổ phần	323.060.671	323.060.671
Cộng	151.115.900.671	100.852.260.671

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.792.840.000	100.529.200.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	0

d) Cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	10.052.920	10.052.920
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong tháng 3/2024 từ LNST chưa phân phối	5.026.364	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.079.284	10.052.920

đ) Cổ tức		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	1.448	7.208

e) Các quỹ của doanh nghiệp:		
- Quỹ đầu tư phát triển;	41.002.773.233	41.002.773.233

25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	6.801.428.319	4.403.566.523
Nợ khó đòi đã xử lý		
Ngoại tệ các loại: USD	30.745,93	367.894,76

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	288.581.777.066	343.673.480.932
Trong đó: Doanh thu nội địa	117.099.406.769	131.832.478.926
DT xuất khẩu trực tiếp	171.482.370.297	211.841.002.006
- DT Sản phẩm Giấy vàng mã	20.376.625.965	42.757.049.424
Tương đương Tiền USD	826.302,76	1.833.885,89
- DT Sản phẩm Giấy dẻ XK	14.283.684.332	17.235.507.582
Tương đương Tiền USD	579.224,83	739.245,45
- DT Sản phẩm Tinh bột sắn	136.822.060.000	151.848.445.000
Quy ra USD	5.548.339,82	6.512.907,78
Tổng cộng USD:	6.953.867,41	9.086.039,12
Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
Doanh thu thuần	288.581.777.066	343.673.480.932

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
	0	526.214.700

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của thành phẩm đã bán;	237.243.018.777	247.096.176.349
	237.243.018.777	247.096.176.349
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.732.815.770	1.962.881.989
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.534.913.822	380.123.124
- Lãi C/lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	256.762.174	0
- Doanh thu hoạt động tài chính	87.663.608	90.963.152
Cộng	3.612.155.374	2.433.968.265
5. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	280.195.781	98.627.408
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	46.493.081	337.397.910
- Lỗ C/lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	0	76.495.351
- Chi phí tài chính khác		
	326.688.862	512.520.669
6. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
- Lãi bán phế liệu	0	0
Cộng	0	0
7. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
- Các khoản bị phạt; chậm nộp	504.000.000	49.500.000
- Chi phí khác	0	658.626
- Lỗ thanh lý TSCĐ	0	0
Cộng	504.000.000	50.158.626
8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh		
Chi phí nhân viên quản lý	9.316.448.504	8.907.411.638
Chi phí vật liệu quản lý	201.653.213	188.922.561
Chi phí đồ dùng văn phòng	276.939.436	437.639.819
Chi phí khấu hao TSCĐ	884.258.391	287.315.986
Thuế, phí và lệ phí	453.464.122	999.324.414
Chi phí dịch vụ mua ngoài	382.541.695	469.914.368
Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc	146.067.225	148.098.500
Chi phí bằng tiền khác	2.414.036.613	2.749.418.054
Cộng	14.075.409.199	14.188.045.340

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

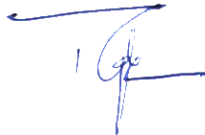
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

- Chi phí cho nhân viên	0	0
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.627.480.245	18.366.331.314
- Chi phí khác	104.001.327	982.032.886
Cộng	12.731.481.572	19.348.364.200

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

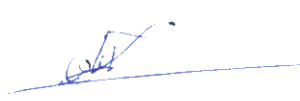
	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập	4.330.861.331	8.878.878.504
Cộng	4.330.861.331	8.878.878.504

Người lập biểu



Dương Ngọc Lâm

Kế toán trưởng



Lương Quốc Quyền

Lập, ngày 19 tháng 04 năm 2024

Giám đốc



Lê Long Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty

Năm nay	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)		Giấy để mã	Giấy vàng	Tinh bột sản	Tinh dầu quế	Giấy lẻ + Ván bóc+rác ván	Loại trừ nội bộ	Cộng
	Giấy để	Giấy để							
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	104.103.722.072	20.376.625.965	163.820.059.585	-	281.369.444	-	288.581.777.066	-	288.581.777.066
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	5.451.117.550	40.977.522.986	62.775.254.820	-	(115.731.406.156)	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.451.117.550	145.081.245.058	226.595.314.405	26.904.136.765	226.595.314.405	-	281.369.444	(115.731.406.156)	288.581.777.066
Chi phí bộ phận	-	93.191.936.130	152.581.047.219	17.995.556.755	-	-	263.768.540.104	-	263.768.540.104
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	10.911.785.942	11.239.012.366	2.381.069.210	-	-	24.531.867.518	-	24.531.867.518
Các khoản giảm trừ Doanh thu	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	(504.000.000)	(4.330.861.331)	22.982.472.699

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Tại Văn phòng Công ty

	Giấy để	Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	113.138.730.422	1.446.523.720	262.389.379.805	-	391.508.571.734
Tài sản phân bổ cho bộ phận	(23.627.826.158)	654.224.644	17.404.285.117	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	89.510.904.264	2.100.748.364	279.793.664.922	-	391.508.571.734
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	(122.308.674.362)	15.337.107.548	264.901.540.859	-	159.499.678.370
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	(122.308.674.362)	15.337.107.548	264.901.540.859	-	159.499.678.370
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	260.288.639.752	1.941.048.415	4.746.382.455	-	292.173.826.555
Tài sản phân bổ cho bộ phận	(27.820.194.917)	781.814.668	22.280.523.238	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	232.468.444.835	29.955.612.944	27.026.905.693	-	292.173.826.555
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	(4.722.826.381)	25.197.755.933	4.746.382.455	-	27.162.360.422
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	(4.722.826.381)	25.197.755.933	4.746.382.455	-	27.162.360.422

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

Đơn vị tính: VND

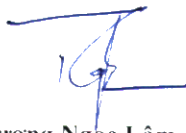
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực nội địa	117.099.406.769	131.832.478.926
Khu vực xuất khẩu	171.482.370.297	211.841.002.006
Cộng	<u>288.581.777.066</u>	<u>343.673.480.932</u>

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	(2.614.165.945)	(4.784.006.317)
Cộng	<u>(2.614.165.945)</u>	<u>(4.784.006.317)</u>

Người lập biểu



Dương Ngọc Lâm

Kế toán trưởng



Lương Quốc Quyền

